

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 8 – 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dư Văn Thanh.

Ông Đào Khel.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 144/2022/TLST-HNGĐ, ngày 20/5/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Bích Ng, sinh ngày 27/4/1991. Địa chỉ: khóm M, Phường B, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trương Hưng Th, sinh năm 1988. Địa chỉ: khóm H, Phường B, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2022 nguyên đơn bà Ngô Bích Ng trình bày:

Bà Ng và ông Th được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và được Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 20/5/2016. Hôn nhân của ông, bà là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Trong thời gian đầu hôn nhân ông bà chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Th không tôn trọng gia đình, sa vào tệ nạn, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc vợ con và ông bà đã hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành nên đã sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, ông bà có với nhau một người con chung là cháu Trương Ngọc Th (nữ), sinh ngày 20/6/2016 hiện đang sống cùng Bà Ng.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống, ông bà không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà Ngô Bích Ng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Ngô Bích Ng xin được ly hôn với ông Trương Hưng Th.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Sau khi ly hôn, bà Ngô Bích Ng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Ngọc Th, cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống, ông bà không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh cháu Trương Ngọc Th.

- Bị đơn ông Trương Hưng Th vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản nêu ý kiến hay có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

- Tại Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng Bà Ng và ông Th ngày 13/6/2022: nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng ông Th và Bà Ng Ban nhân dân Khóm H, Phường B, thành phố ST không biết sự việc.

- Tại Biên bản xác minh ngày 21/7/2022 về giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng ông Th, Bà Ng, được ông Trương H, bà Đỗ Thị Thu H1 (cha mẹ ruột của ông Trương Hưng Th). Địa chỉ: số 95 đường 30/4, Khóm 2, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cung cấp như sau: *“Bà H1 là mẹ ruột của ông Trương Hưng Th vào ngày 04/7/2022 chồng tôi là ông Trương H là cha ruột của Trương Hưng Th có nhận được Thông báo số 144/TB-TLVA ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng. Sau khi nhận được thông báo chúng tôi có điện thoại cho con chúng tôi là Trương Hưng Th biết nội dung thông báo... thì con đồng ý và có nhờ chúng tôi nếu Tòa án có gửi giấy tờ gì thì nhận thay cho con tôi....ông Trương Hưng Th và bà Ngô Bích Ng kết hôn vào năm 2016, hôn nhân là do hai người tự nguyện không ai ép buộc, trong quá trình chung sống thì con tôi ông Th và Bà Ng có một người con chung là cháu Trương Ngọc Th (nữ), sinh ngày 20/6/2016 hiện đang sống cùng mẹ là Bà Ng, nguyên nhân mâu thuẫn thì chúng tôi không biết. Về tài sản chung, nợ chung thì chúng tôi không rõ”*.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

- Việc về tuân thủ pháp luật: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Bích Ng; về con chung: giao cháu Trương Ngọc Th cho Bà Ng được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi tròn 18 tuổi, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Bà Ng không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết và buộc Bà Ng phải chịu án phí hôn nhân theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn ông Trương Hưng Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Ngô Bích Ng và ông Trương Hưng Th tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 20/5/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa Bà Ng và ông Th là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống, Bà Ng và ông Th đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông bà tranh cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên đã sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân của Bà Ng và ông Th đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của Bà Ng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Về con chung: trong thời gian chung sống, bà Ngô Bích Ng và ông Trương Hưng Th có với nhau một người con chung tên Trương Ngọc Th (nữ), sinh ngày 20/6/2016. Từ khi Bà Ng và ông Th sống ly thân cho đến nay, cháu Th do Bà Ng

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, để đảm bảo sự chăm sóc, giáo dục tốt cho cháu, hạn chế ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại của cháu và điều này ông Th cũng không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà Ng là giao cháu Th cho Bà Ng tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Ng trình bày bà đảm bảo được thu nhập kinh tế để có thể tự mình nuôi con mà không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu của Bà Ng cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Th nhưng Bà Ng khẳng định không yêu cầu, do Bà Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ông Th có các quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Bích Ng xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và ông Th không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Bích Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trương Hưng Th không phải chịu án phí.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Bích Ng và ông Trương Hưng Th được ly hôn.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

- Giao cháu Trương Ngọc Th (nữ), sinh ngày 20/6/2016 cho bà Ngô Bích Ng được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Ông Trương Hưng Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Ngô Bích Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Bích Ng xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và ông Th không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Bích Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000504 ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. bà Ngô Bích Ng đã nộp xong án phí.

Ông Trương Hưng Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Chi Cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- UBND Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trúc Phương